

Bản án số: 02/2019/DS-ST

Ngày: 18 tháng 01 năm 2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Truyền Bình.**

2. Ông **Huỳnh Thanh Trà.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Tuyết Nhung**, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST - DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1963

Địa chỉ: Đường L, tổ 31, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu V, sinh năm 1984

Địa chỉ: Đường L, tổ 69, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng

(Theo giấy ủy quyền ngày 24.10.2018). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Trần Thiên T - Luật sư Văn phòng luật sư Trần Thiên T thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Thiên T trình bày.*

Do quen biết và bạn bè lâu năm với nhau, khi bà Đỗ Thị H làm khách sạn L tại số đường Đ, phường T, quận H, Đà Nẵng, bị thiếu tiền nên nhờ bà N vay hộ cho bà Đỗ Thị H số tiền 550.000.000 đồng. Ngày 04.02.2008, bà N đứng tên vay cho bà Đỗ Thị H số tiền 550.000.000 đồng, tại ngân hàng K - chi nhánh Đà Nẵng. Bà N đã thế chấp bằng tài sản của mình là nhà và đất ở tại đường L, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số AĐ 192798, ngày 20/01/2006.

Sau khi dùng tài sản của mình thế chấp để vay số tiền trên cho bà H, bà N yêu cầu bà H viết giấy nợ. Bà Đỗ Thị H đã tự tay viết giấy nợ nhưng viết chung chung, chỉ nói rõ là mượn sổ nghiệp chủ của bà N để vay tiền nhưng do làm ăn thất bại nên chưa trả được tiền mà nhờ bà N vay hộ.

Số tiền vay ngân hàng K là 550.000.000 đồng bà H sử dụng toàn bộ nhưng bà H không đưa tiền cho bà N trả nợ cho ngân hàng nên ngân hàng K đã khởi kiện yêu cầu bà N phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh. Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2010/KDTM-ST ngày 13.5.2010 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã buộc bà N trả nợ gốc là: 550.000.000 đồng, nợ lãi là 226.325.999 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 776.325.999 đồng.

Sau khi có bản án nói trên bà N yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H không trả mà chỉ viết cho bà N giấy mượn sổ nghiệp chủ hạn đến ngày 30.8.2010 sẽ lấy lại sổ trả cho bà N. Trong giấy này bà H ghi bà N đã nhận lại số tiền 70.000.000 đồng. Do đó bà N xác nhận hiện nay bà H còn nợ bà N 480.000.000 đồng tiền gốc.

Năm 2013 bà N đã hoàn thành việc thi hành án theo bản án. Đến nay, bà N yêu cầu bà Đỗ Thị H phải trả cho bà N 480.000.000 đồng tiền gốc và các khoản tiền lãi cụ thể như sau:

- Lãi phải trả cho ngân hàng K, theo quyết định của bản án sơ thẩm: 226.325.999 đồng.

- Lãi chậm trả tính từ 01.9.2010 (ngày 30/8/2010 bà Hoa viết giấy mượn sổ nghiệp chủ) đến ngày 31.10.2018, trong đó:

+ Từ ngày 01.9.2010 đến 31.12.2016: $480.000.000đ \times 75 \text{ tháng} \times (13,5\% : 12 \text{ tháng} = 1,125\%/\text{tháng}) = 40.500.000 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 01.01.2017 đến 31.10.2018: $480.000.000đ \times 22 \text{ tháng} \times (10\% : 12 \text{ tháng} = 0,8\%/\text{tháng}) = 87.000.000 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 01.11.2018 đến 15.01.2019: $480.000.000đ \times 75 \text{ ngày} \times (10\% : 12 \text{ tháng} = 0,84\%/\text{tháng} : 30 \text{ ngày} = 0,028\%/\text{ngày}) = 10.080.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 480.000.000đ + 226.325.999đ + 40.500.000đ + 87.000.000đ + 10.080.000đ = 913.080.000đ (làm tròn) 913.000.000đ (Chín trăm mười ba triệu đồng) và không yêu cầu tiếp tục tính lãi.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị N là bà Lê Thị Thu V thống nhất như lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và không bổ sung gì thêm.*

** Tại bản tự khai ngày 30.10.2018 bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:*

Năm 2006 tôi có mua 1 căn nhà tại 130 Đồng Đa, Đà Nẵng. Có nhờ chị N là người bạn thân mượn số tiền gốc là 200.000.000 đồng (thời điểm 2006). Sau đó, chị N yêu cầu tôi mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng, số tiền đó do chị N sử dụng riêng. Tổng cộng nợ ngân hàng 300.000.000 đồng, chị N tự thế chấp vay đưa tiền mặt cho tôi. Chị N nhận lại 100.000.000 đồng, sau đó đến năm 2010 số tiền lên đến 550.000.000 đồng. Chị N và tôi cùng bàn bạc mượn sổ nghiệp chủ chính chủ của chị N để đổi phó với ngân hàng là tôi mua khách sạn nhưng số tiền gốc chị N tôi mượn còn lại 480.000.000 đồng. Nhưng quá lâu tôi đang cải tạo tại trại giam Hòa Sơn công an thành phố Đà Nẵng. Chưa rõ giữa tôi và chị N còn lại bao nhiêu. Để sau chấp hành án xong tại trại giam công an thành phố Đà Nẵng tôi và chị N cùng ra tòa án nhân dân quận Hải Châu để giải quyết. Tạm thời tôi xác nhận hai tờ giấy mượn sổ nghiệp chủ số tiền 550.000.000 đồng (một tờ do chị N viết tôi ký, không ghi ngày tháng; một tờ ghi ngày tháng trả sổ nghiệp chủ vào ngày 30.8.2010 do tôi viết và tôi ký).

Hai tờ này cũng là một số tiền tổng cộng 550.000.000 đồng tôi đã trả 70.000.000 đồng còn lại 480.000.000 đồng.

Hiện nay, chị N khởi kiện đòi số tiền 480.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi và 423.000.000 đồng.

Trước hết tôi tạm thời xác nhận tiền gốc trên và tiền lãi thỏa thuận sau. Ra trại tôi sẽ đến Tòa án làm việc.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa nhiều lần đối với bà Đỗ Thị H đề hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà H đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai hôm nay, bị đơn là bà Đỗ Thị H đều vắng mặt và không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Ngày 04/02/2008, bà N đứng tên vay cho bà Đỗ Thị H số tiền 550.000.000 đồng, tại ngân hàng K - Chi nhánh Đà Nẵng. Bà N đã thế chấp bằng tài sản của mình là nhà và đất ở tại đường L, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, có giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số AĐ 192798, ngày 20/01/2006. Sau khi dùng tài sản của mình thế chấp để vay số tiền trên cho bà H, bà N yêu cầu bà H viết giấy nợ. Bà Đỗ Thị H đã tự tay viết giấy nợ nhưng nói rõ là mượn sổ nghiệp chủ của bà N để vay tiền nhưng do làm ăn thất bại nên chưa trả được tiền mà nhờ bà N vay hộ. Số tiền vay ngân hàng K là 550.000.000 đồng bà H sử dụng toàn bộ nhưng bà H không đưa tiền cho bà N trả nợ cho ngân hàng nên ngân hàng K đã khởi kiện yêu cầu bà N phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh. Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2010/KDTM-ST ngày 13.5.2010 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã buộc bà N trả nợ gốc là: 550.000.000 đồng, nợ lãi là 226.325.999 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 776.325.999 đồng. Sau khi có bản án nói trên bà N yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H không trả mà chỉ viết cho bà N giấy mượn sổ nghiệp chủ hẹn đến ngày 30.8.2010 sẽ lấy lại sổ trả cho bà N. Trong giấy này bà H ghi bà N đã nhận lại số tiền 70.000.000 đồng. Do đó, bà N xác nhận hiện nay bà H còn nợ bà N 480.000.000 đồng đồng thời yêu cầu bà H phải trả toàn bộ số nợ gốc là 480.000.000 đồng và lãi phát sinh là 433.000.000 đồng, tổng cộng: 913.000.000 đồng (Chín trăm mười ba triệu đồng)

[3] Bị đơn bà Đỗ Thị H đã thống nhất việc mượn sổ nghiệp chủ của bà N để vay ngân hàng số tiền 550.000.000 đồng và xác nhận hai tờ giấy mượn sổ nghiệp chủ số tiền 550.000.000 đồng một tờ do bà N viết bà H ký, không ghi ngày tháng; một tờ ghi ngày tháng trả sổ nghiệp chủ vào ngày 30.8.2010 do bà H viết và ký, đồng thời thừa nhận còn nợ của bà N số tiền gốc 480.000.000 đồng, đối với khoản tiền lãi bà H hứa sẽ thống nhất lại với bà N và đến làm việc với Tòa án sau khi ra trại là ngày 01.11.2018. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H đến để làm việc và hòa giải nhưng bà H đều không đến. Việc bà H không có thiện chí trả nợ cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Ờu 290, 471, 474, 476 Bộ luật dỜn sù 2005 và Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền nợ gốc là 480.000.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện theo quỹ quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả toàn bộ số nợ gốc là 480.000.000 đồng và lãi phát sinh là 433.000.000 đồng, tổng cộng: 913.000.000 đồng (Chín trăm mười ba triệu đồng) cụ thể: Đối với khoản tiền lãi theo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2010/KDTM-ST ngày 13.5.2010 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã buộc bà N trả là 226.325.999 đồng nay bà N yêu cầu bà H phải trả lại là có cơ sở; Đối với khoản tiền lãi tính từ ngày 01.9.2010 đến ngày 15.01.2019. Xét về yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn bà N yêu cầu tính lãi suất là 13,5%/ năm (1,125%/ tháng) tính từ ngày 01.9.2010 đến ngày 31.12.2016 là phù hợp với lãi suất quy định tại khoản 5 Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự. Do đó yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận; Đối với mức lãi suất được áp dụng từ ngày 01.01.2017 đến ngày 15.01.2019 cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận. Như vậy, cả gốc và lãi mà bà H phải trả cho bà N là 480.000.000 đồng và lãi phát sinh là 433.000.000 đồng, tổng cộng: 913.000.000 đồng (Chín trăm mười ba triệu đồng).

[5] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn là bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà N đã nộp là: 40.200.000 đồng theo biên lai thu số 009877 ngày 27.10.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Lê Thị N đối với Đỗ Thị H.

Xử:

1. Buộc bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Lê Thị N tổng số tiền 913.000.000 đồng (Chín trăm mười ba triệu đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 480.000.000 đồng và lãi phát sinh là 433.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Đỗ Thị H phải chịu: 39.390.000 đồng.

3. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị N đã nộp là: 19.545.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 006637 ngày 23.10.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu
thành phố Đà Nẵng;
- THADS quận Hải Châu
thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thùy

x

